

Số: 5045/TB -UBND

Gia Lâm, ngày 08 tháng 12 năm 2017

THÔNG BÁO

Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2016;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 392/BC - UBND ngày 08/12/2017 về báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện ngân năm 2017; Dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2018 trình HĐND kỳ họp thứ 5 khóa XIX, UBND huyện Gia Lâm Thông báo công khai cụ thể như sau:

1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND cấp huyện năm 2018

1.1. Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện

- Cân đối ngân sách huyện (Biểu số 69/CK-NSNN).
- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã (Biểu số 70/CK-NSNN).
- Dự toán thu ngân sách nhà nước (Biểu số 71/CK-NSNN).
- Dự toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách cấp xã theo cơ cấu chi (Biểu số 72/CK-NSNN).
- Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo từng lĩnh vực (Biểu số 73/CK-NSNN).
- Dự toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức (Biểu số 74/CK-NSNN).
- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (Biểu số 75/CK-NSNN).
- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (Biểu số 76/CK-NSNN).
- Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng xã (Biểu số 77/CK-NSNN).
- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã (Biểu số 78/CK-NSNN).

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã (Biểu số 79/CK-NSNN).

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Biểu số 80/CK-NSNN).

1.2. Công khai thuyết minh dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện

2. Hình thức công khai: Công bố trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện và gửi Thông báo công khai cho các phòng, ban đơn vị liên quan và UBND các xã thị trấn.

3. Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày 08/12/2017.

UBND huyện Gia Lâm thông báo công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh dự toán ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2018 trình HĐND huyện kỳ họp thứ 5 khóa XIX ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT HU-HĐND, UBND Huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện;
- Ban KT-XH HĐND Huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện;
- Tòa án nhân dân Huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc Huyện;
- Lưu: VT.



**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2017		Dự toán năm 2018	So sánh DT2018/ UTH2017 (%)
		Dự toán	Ước thực hiện		
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1 411 147	2 484 679	2 078 396	83.65
I	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	576 603	1 273 707	1 289 700	101.26
	- Các khoản thu huyện hưởng 100%	432 620	1 105 178	1 112 600	100.67
	- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ %	143 983	168 529	177 100	105.09
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	819 544	819 544	773 696	94.41
	- Bổ sung cân đối ngân sách	618 309	618 309	618 309	100.00
	- Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ	201 235	201 235	155 387	77.22
	<i>Trong đó: Bổ sung mục tiêu XDCB</i>	<i>168 750</i>	<i>168 750</i>	<i>120 850</i>	<i>71.61</i>
III	Thu chuyển nguồn		253 224		
IV	Kết dư năm trước	15 000	138 204	15 000	10.9
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2 131 361	1 993 035	2 078 396	104
1	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	2 131 361	1 993 035	1 987 259	100
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1 160 871	1 154 261	1 129 450	98
b	Chi thường xuyên	842 431	826 461	799 042	97
c	Dự phòng ngân sách	19 598	713	47 700	6,690
d	Dành nguồn thực hiện CCTL	108 461	11 600	11 067	95
2	Chi các chương trình mục tiêu			91 137	
a	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			56 600	
b	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			34 537	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2017		DỰ TOÁN NĂM 2018	So sánh DT2018/ ƯTH2017 (%)
		Dự toán	Ước thực hiện		
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	1 223 806	2 194 416	1 880 617	85.70
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	531 383	1 177 041	1 227 730	104.31
	- Các khoản thu được hưởng 100%	387 400	1 008 512	1 050 630	104.18
	- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ %	143 983	168 529	177 100	105.09
2	Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố	677 423	677 423	637 887	94.16
a	Bổ sung cân đối ngân sách	493 980	493 980	491 925	99.58
b	Bổ sung có mục tiêu	183 443	183 443	145 962	79.57
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		213 761		
4	Thu kết dư ngân sách	15 000	126 191	15 000	11.89
II	Chi ngân sách cấp huyện				
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	1 868 786	1 765 259	1 880 617	106.53
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1 122 761	1 122 761	1 172 050	104.39
b	Chi thường xuyên	637 989	630 185	656 441	104.17
c	Dự phòng ngân sách	19 598	713	47 700	6690.04
d	Dành nguồn thực hiện CCTL	88 438	11 600	4 426	38.16
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	142 121	142 121	132 212	93.03
a	Bổ sung cân đối ngân sách	124 329	124 329	124 329	100.00
b	Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ	17 792	17 792	7 883	44.31
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB</i>				
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách cấp xã	187 341	290 263	197 779	68.14
1	Thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp	45 220	96 666	61 970	64.11
a	Các khoản thu được hưởng 100%	45 220	96 666	61 970	64.11
b	Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ (%)				
2	Thu bổ sung từ ngân sách huyện	142 121	142 121	135 809	95.56
a	Bổ sung cân đối ngân sách	124 329	124 329	126 384	101.65
b	Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ:	17 792	17 792	9 425	52.97
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB</i>				
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		39 463		
4	Thu kết dư ngân sách		12 013		
II	Chi ngân sách cấp xã			197 779	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018*(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	CHỈ TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2017		DỰ TOÁN NĂM 2018		So sánh (%)	
		Tổng số thu NSNN	NS cấp huyện	Tổng số thu NSNN	NS cấp huyện	Tổng số thu NSNN	NS cấp huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1 580 686	1 273 707	1 618 600	1 289 700	102.40	101.26
1	Thuế ngoài quốc doanh	270 772	110 397	307 500	107 625	113.56	97.49
	- Thuế giá trị gia tăng	191 013	66 855	246 200	86 170	128.89	128.89
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	52 011	18 204	57 300	20 055	110.17	110.17
	- Thuế TT đặc biệt	3 707	1 297	4 000	1 400	107.90	107.90
	- Thuế tài nguyên	31	31			0.00	0.00
	- Thu khác	24 010	24 010			0.00	0.00
2	Thu phí và lệ phí	17 024	17 020	13 000	13 000	76.36	76.38
3	Thuế thu nhập cá nhân	56 233	19 682	67 000	23 450	119.15	119.15
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	23	23			0.00	0.00
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15 366	15 366	13 000	13 000	84.60	84.60
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	69	53			0.00	0.00
7	Thu tiền thuê đất	104 270	104 270	80 000	80 000	76.72	76.72
8	Lệ phí trước bạ	150 033	64 732	149 100	63 625	99.38	98.29
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	18 800	18 800	17 600	17 600	93.62	93.62
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy	131 233	45 932	131 500	46 025	100.20	100.20
9	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS tại xã	19 000	19 000	11 000	11 000	57.89	57.89
10	Thu khác	7 000	7 000	4 000	4 000	57.14	57.14
11	Thu đóng góp XDCSHT và Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	33 500	33 500	14 000	14 000	41.79	41.79
12	Thu tiền sử dụng đất	907 396	882 665	960 000	960 000	105.80	108.76

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018 HUYỆN GIA LÂM
(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung các chỉ tiêu	Ngân sách huyện		
		Tổng số	Chia ra	
			Ngân sách huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2 078 396	1 855 505	188 354
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1 987 259	1 773 793	178 929
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1 129 450	1 115 450	14 000
1	Chiía theo nguồn vốn	1 129 450	1 115 450	14 000
1	Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp	91 200	91 200	
2	Chi từ nguồn thu để lại (tiền SD đất, đền bù thiệt hại...)	974 000	960 000	14 000
3	Nguồn BS có mục tiêu từ NSTP vốn XDCB	64 250	64 250	
4	Từ chuyển nguồn, kết dư, tăng thu, thường thu vượt thu			
II	Chi thường xuyên	799 042	606 217	158 288
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			
2	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	397 566	395 866	1 700
III	Dự phòng ngân sách	47 700	47 700	
IV	Dành nguồn để thực hiện CCTL	11 067	4 426	6 641
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	91 137	81 712	9 425
I	Chi các chương trình MTQG	56 600	56 600	
-	Chi đầu tư XDCB	56 600	56 600	
II	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	34 537	25 112	9 425
1	KP quy hoạch nông thôn mới	7 500		7 500
2	KP đặc thù công tác Đảng	6 500	6 500	
3	KP dạy nghề lao động nông thôn	5 572	5 572	
4	KP trợ cấp 1 lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen (QĐ số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016)	520	520	
5	KP hỗ trợ và mua thẻ BHYT cho người dân nam trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố	1 925		1 925
6	KP diễn tập phòng thủ khu vực theo quy định	1 600	1 600	
7	KP hoạt động của Đội Thanh tra XD	7 250	7 250	
8	KP hoạt động của Trung tâm phát triển quỹ đất	2 014	2 014	
9	Cấp bù học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP cơ sở GDNN và giáo dục Đại học ngoài công lập	56	56	
10	Bổ sung các nhiệm vụ quy hoạch giao huyện làm chủ đầu tư	1 600	1 600	
C	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC
NĂM 2018 HUYỆN GIA LÂM**

(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung các chỉ tiêu	Dự toán năm 2018
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2 078 396
A	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã	197 779
B	Chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực	1 880 617
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1 172 050
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	225 900
2	Chi sự nghiệp giao thông	421 810
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5 800
4	Chi văn hóa thông tin	80 400
5	Chi các hoạt động kinh tế	8 300
6	Chi quản lý hành chính nhà nước, đoàn thể	22 900
7	Chi đầu tư khác	406 940
II	Chi thường xuyên	656 441
	<i>Tr. đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên</i>	<i>19 562</i>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	26 731
2	Chi sự nghiệp môi trường	43 318
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
4	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	395 866
5	Chi sự nghiệp Y tế và dân số KHHGD	8 061
6	Chi sự nghiệp VH TT	2 873
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	2 238
8	Chi sự nghiệp TDTT và du lịch	2 113
9	Chi đảm bảo xã hội	79 009
10	Chi quản lý hành chính, đảng đoàn thể	73 005
11	Chi an ninh, quốc phòng	8 283
12	Chi khác ngân sách	14 944
III	Dự phòng ngân sách	47 700
IV	Dành nguồn để thực hiện CCTL	4 426
C	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG ĐƠN VỊ NĂM 2018 HUYỆN GIA LÂM
(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số dự toán giao năm 2018	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể CTMT QG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	Chi CTMT	Trong đó:		Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
								Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tổng cộng	2 078 396	1 129 450	765 560	47 700	44 549	91 137	56 600	34 537	
A	Ngân sách cấp huyện (A1+A2+A3+A4)	1 880 617	1 115 450	597 847	47 700	37 908	81 712	56 600	25 112	
A1	Chi đầu tư XDCCB	1 172 050	1 115 450				56 600	56 600		
1	Chi đầu tư XDCCB tập trung phân cấp	91 200	91 200							
2	Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	960 000	960 000							
3	Chi từ chương trình mục tiêu thành phố	120 850	64 250				56 600	56 600		
4	Chi từ nguồn kết dư, chuyển nguồn, tăng thu									
A2	Chi thường xuyên	656 441		597 847		33 482	25 112		25 112	
I	Khối hành chính nhà nước	135 375		118 850		1 583	14 942		14 942	
1	Văn phòng HĐND-UBND	18 794		18 532		262				
2	Phòng VH TT	1 228		1 182		46				
3	Phòng Nội vụ	2 912		2 853		59				
4	Thanh tra huyện	1 539		1 489		50				
5	Phòng Tài nguyên -MT	1 800		1 732		68				
6	Phòng Kinh tế	6 716		4 502		58	2 156		2 156	
7	Phòng LĐ - TB&XH	64 699		60 043		720	3 936		3 936	
8	Phòng GD&ĐT	21 353		21 231		122				
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1 567		1 500		67				
10	Phòng Quản lý đô thị	3 877		2 223		54	1 600		1 600	
11	Phòng Tư pháp	2 107		2 062		45				
12	Phòng Y tế	1 333		1 301		32				
13	Thanh tra XD	7 450		200			7 250		7 250	
II	Mặt trận, hội đoàn thể	25 468		18 355		613	6 500		6 500	
1	Mặt trận Tổ quốc	2 116		2 058		58				
2	Hội Phụ nữ	1 278		1 227		51				
3	Hội Nông dân	1 426		1 376		50				
4	Huyện đoàn Gia Lâm	1 375		1 337		38				
5	Hội Cựu chiến binh	777		752		25				
6	Hội chữ thập đỏ	837		796		41				
7	KPHT Hội cựu TNXP	230		230						
8	Hội Người mù	386		368		18				
9	Hội Luật gia	97		93		4				
10	VP Huyện uỷ	16 946		10 117		329	6 500		6 500	
III	Đơn vị sự nghiệp	458 932		437 060		19 858	2 014		2 014	
a	Sự nghiệp giáo dục & Đào tạo	380 866		361 259		19 607				
1	Khối MN	139 390		131 920		7 470				
2	Khối tiểu học	125 199		119 045		6 154				
3	Khối THCS	107 796		102 032		5 764				
4	Trung tâm GD nghề nghiệp - GDTX	5 005		4 835		170				
5	Trung tâm BD Chính trị	3 475		3 426		49				
b	Sự nghiệp khác	78 066		75 801		251	2 014		2 014	
1	Trung tâm dân số KHH GD	7 395		7 307		88				
2	TT văn hoá -TT& Thể thao	6 944		6 781		163				
3	TT Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm	2 014					2 014		2 014	
4	Ban quản lý dự án	61 713		61 713						
IV	An ninh - Quốc phòng	8 283		6 683			1 600		1 600	
V	Chi đảm bảo xã hội	13 439		1 955		11 428	56		56	
1	Cấp bù tiền ăn cho trẻ 3,4,5 tuổi	250		250						

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số dự toán giao năm 2018	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể CTMT QG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	Chi CTMT	Trong đó:		Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
								Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	1 296		1 240			56		56	
3	Hỗ trợ mua thẻ BHYT cho HS tiểu học và THCS	11 428				11 428				
4	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội các xã, thị trấn (Giao Phòng TC-KH thực hiện cấp KP cho UBND các xã, thị trấn vào TK Tiền gửi của UBND các xã, thị trấn mở tại KBNN để thực hiện chi trả cho các hộ gia đình và thực hiện thanh quyết toán KP vào C760 K528)	465		465						
VI	Chi khác ngân sách	14 944		14 944						
1	Liên đoàn lao động huyện Gia Lâm: KP Phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS; KP tổ chức lễ phát động hưởng ứng tuần lễ Quốc gia về ATVSLĐ và phòng chống cháy nổ; KP hội nghị phổ biến SKKN, đề tài nghiên cứu khoa học, giải pháp công tác, biểu dương khen thưởng SKST; Hội thi ATVSLĐ phòng chống cháy nổ, HT KP Đại Hội Công đoàn huyện lần thứ X nhiệm kỳ 2018-2023: 200 tr.đ	370		370						
2	Viện kiểm sát nhân dân: HT KP kiểm sát, điều tra, truy tố phục vụ xét xử các vụ án	50		50						
3	Tòa án nhân dân huyện: HT xử án lưu động: 50 tr.đ; HT hoạt động hội thẩm nhân dân: 50 tr.đ	100		100						
4	Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin	50		50						
5	Hội người Khuyết tật	30		30						
6	KP hoạt động BCD Thi hành án	30		30						
7	KP thực hiện đề án PTNNHH theo vùng chuyên canh GD 2016-2020; KP thực hiện đề án " Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn phát huy giá trị các lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch năm 2018"; Đề án xác định chỉ số đánh giá kết quả CCHC GD 2018-2020; Đề án XD hạ tầng khung và KP học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình,...	13 114		13 114						
8	Kinh phí diễn tập tập phương án PCCC, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ	200		200						
9	Quỹ cho vay giải quyết việc làm và quỹ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất	1 000		1 000						
A3	Dành nguồn CCTL	4 426				4 426				
A4	Dự phòng ngân sách	47 700			47 700					
B	Ngân sách cấp xã	197 779	14 000	167 713		6 641	9 425		9 425	

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số dự toán giao năm 2018													III. Dành nguồn CCTL	IV. Dự phòng ngân sách
			1. QLNN, Đảng, Đoàn thể	2. Sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	3. Sự nghiệp Y Tế DSKHH GD	4. Sự nghiệp Văn hóa, du lịch	5. Sự nghiệp TDTT	6. Sự nghiệp Phát thanh	7. Sự nghiệp Đảm bảo XH	8. An ninh	9. Quốc phòng	10. Sự nghiệp Kinh tế	11. Sự nghiệp môi trường	12. Chi khác		
A	B	1	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	23	24
5	Hội Cựu chiến binh	777	777													
6	Hội chữ thập đỏ	837	837													
7	KPHT Hội cựu TNXP	230	230													
8	Hội Người mù	386	386													
9	Hội Luật gia	97	97													
10	VP Huyện uỷ	16 946	16 946													
III	Đơn vị sự nghiệp	458 932		380 866	7 395	2 593	2 113	2 238				20 709	43 018			
a	<i>Sự nghiệp giáo dục & Đào tạo</i>	<i>380 866</i>		<i>380 866</i>												
1	Khối MN	139 390		139 390												
2	Khối tiểu học	125 199		125 199												
3	Khối THCS	107 796		107 796												
4	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD TX	5 005		5 005												
5	Trung tâm BD Chính trị	3 475		3 475												
b	<i>Sự nghiệp khác</i>	<i>78 066</i>			<i>7 395</i>	<i>2 593</i>	<i>2 113</i>	<i>2 238</i>				<i>20 709</i>	<i>43 018</i>			
1	Trung tâm dân số KHH GD	7 395			7 395											
2	TT văn hoá -TT & Thể thao	6 944				2 593	2 113	2 238								
3	TT Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm	2 014										2 014				
4	Ban quản lý dự án	61 713										18 695	43 018			
IV	An ninh - Quốc phòng	8 283								3 063	5 220					
V	Chi đảm bảo xã hội	13 439							13 439							
1	Cấp bù tiền ăn cho trẻ 3,4,5 tuổi	250							250							
2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	1 296							1 296							
3	Hỗ trợ mua thẻ BHYT cho HS tiểu học và THCS	11 428							11 428							
4	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội các xã, thị trấn (Giao Phòng TC-KH thực hiện cấp KP cho UBND các xã, thị trấn vào TK Tiền gửi của UBND các xã, thị trấn mở tại KBNN để thực hiện chi trả cho các hộ gia đình và thực hiện thanh quyết toán KP vào C760 K528)	465							465							
VI	Chi khác ngân sách	14 944												14 944		

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2018
(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Xã Văn Đức	954	850	850		5 762			6 612
2	Xã Phú Thị	2 597	1 986	1 986		5 421			7 407
3	Xã Phù Đổng	2 087	1 315	1 315		7 220			8 535
4	Xã Đa Tốn	10 983	9 017	9 017		6 981			15 998
5	Xã Bát Tràng	6 843	938	938		6 089			7 027
6	Thị trấn Trâu Quỳ	16 583	6 489	6 489		5 818			12 307
7	Xã Đông Dư	2 883	2 193	2 193		4 491			6 684
8	Xã Đặng Xá	4 460	2 688	2 688		6 934			9 622
9	Xã Cổ Bi	4 642	3 003	3 003		6 714			9 717
10	Xã Kiều Kỵ	9 614	7 120	7 120		7 301			14 421
11	Xã Ninh Hiệp	38 458	9 212	9 212		568			9 780
12	Xã Lê Chi	1 219	824	824		7 578			8 402
13	Xã Kim Lan	1 134	705	705		5 659			6 364
14	Xã Đình Xuyên	3 474	1 105	1 105		6 954			8 059
15	Xã Kim Sơn	3 249	1 144	1 144		7 441			8 585
16	Xã Dương Hà	1 011	647	647		5 578			6 225
17	Xã Dương Xá	6 067	4 078	4 078		7 009			11 087
18	Xã Yên Viên	2 956	2 086	2 086		6 449			8 535
19	Xã Trung Mầu	608	412	412		6 220			6 632
20	Xã Dương Quang	1 454	810	810		7 695			8 505
21	Thị trấn Yên Viên	7 399	2 606	2 606		5 096			7 702
22	Xã Yên Thường	4 895	2 742	2 742		6 833			9 575
TỔNG CỘNG		133 570	61 970	61 970		135 809			197 779

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Xã Văn Đức	225		225	
2	Xã Phú Thị	600		600	
3	Xã Phù Đổng	225		225	
4	Xã Đa Tốn	1 340		1 340	
5	Xã Bát Tràng	225		225	
6	Thị trấn Trâu Quỳ				
7	Xã Đông Dư	225		225	
8	Xã Đặng Xá	600		600	
9	Xã Cổ Bi	600		600	
10	Xã Kiêu Kỵ	1 035		1 035	
11	Xã Ninh Hiệp	225		225	
12	Xã Lệ Chi	600		600	
13	Xã Kim Lan	225		225	
14	Xã Đình Xuyên	225		225	
15	Xã Kim Sơn	600		600	
16	Xã Dương Hà	225		225	
17	Xã Dương Xá	600		600	
18	Xã Yên Viên	225		225	
19	Xã Trung Mậu	600		600	
20	Xã Dương Quang	600		600	
21	Thị trấn Yên Viên				
22	Xã Yên Thường	225		225	
	TỔNG CỘNG	9 425		9 425	

**DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH
NĂM 2018 GIAO HUYỆN GIA LÂM**

(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM							Ghi chú
			Đầu tư phát triển	KP sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Ngân sách cấp huyện: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (00391)	56,600	56,600		56,600	56,600	56,600					
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính tại các thôn 4, thôn 6, thôn 7, thôn 8 và thôn 9 xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	1,900	1,900		1,900	1,900	1,900					
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Đào Xuyên, Thuận Tồn; xã Đa Tồn, huyện Gia Lâm	3,500	3,500		3,500	3,500	3,500					
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Phù Dục 1, Phù Dục 2 và Phù Đồng 3, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	700	700		700	700	700					
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Đồng Viên, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm.	4,100	4,100		4,100	4,100	4,100					
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Phù Đồng 1 và Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	2,100	2,100		2,100	2,100	2,100					
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Trung Mầu 1, 2, 3, 4, 5; xã Trung Mầu (giai đoạn 2)	2,900	2,900		2,900	2,900	2,900					

Số TT	Tên Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM						Ghi chú	
			Đầu tư phát triển	KP sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp				
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước		Vốn ngoài nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính các thôn: Gia Lâm, Kim Hồ, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	1,250	1,250		1,250	1,250	1,250					
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	3,950	3,950		3,950	3,950	3,950					
9	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm.	4,000	4,000		4,000	4,000	4,000					
10	Xây dựng đường vào trường tiểu học Cổ Bi tại khu Hồ Voi, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	3,200	3,200		3,200	3,200	3,200					
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn trực chính thôn Yên Khê, Lại Hoàng, Yên Thường, Đỗ Xá, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	5,800	5,800		5,800	5,800	5,800					
12	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính các thôn Xuân Dục, Trùng Quán, Quy Mông, Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	5,800	5,800		5,800	5,800	5,800					
13	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính thôn Sen Hồ, xã Lệ Chi - GD 2	5,300	5,300		5,300	5,300	5,300					
14	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính thôn Cổ Giang, Kim Hồ, TDP Toàn Thắng, xã Lệ Chi - GD 2	5,200	5,200		5,200	5,200	5,200					
15	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính thôn Chi Đông, Chi Nam, xã Lệ Chi - GD 2	5,300	5,300		5,300	5,300	5,300					
16	Xây dựng tuyến đường dọc mương cấp 1 từ đường Ý Lan đến đường vào thôn Tô Khê, huyện Gia Lâm	1,600	1,600		1,600	1,600	1,600					

DANH MỤC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 5045/TB-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017				Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư	
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT				Nguồn vốn khác
	TỔNG CỘNG	108				2,833,465		24,802	2,334,863	10,631	50,211	39,580	623,734	30,774	478,736	80,900	33,324	1,172,050	62	
A	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP	9				296,906			240,282	100	1,600	1,500	145,307	21,000	109,310		14,997	91,200	9	
I	Lĩnh vực giáo dục	9				296,906			240,282	100	1,600	1,500	145,307	21,000	109,310		14,997	91,200	9	
-	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	9				296,906			240,282	100	1,600	1,500	145,307	21,000	109,310		14,997	91,200	9	
1	Xây dựng trường mầm non Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	Xã Văn Đức	10 nhóm lớp, khu hiệu bộ, chức năng	7610 6/9/16	36,079			28,863				14,997				14,997	13,800	1	BQLDA
2	Xây dựng trường tiểu học Bát Trảng	1	Xã Bát Trảng	Xây dựng 30 phòng học, khu hiệu bộ, chức năng	6864 22/8/2016	35,651			28,521		50	50	21,000	21,000				7,400	1	BQLDA
3	Xây dựng trường THCS Lê Chí, huyện Gia Lâm	1	Xã Lê Chí	Xây mới khối nhà 02 tầng	9052 28/10/2016	28,451			22,761		250	250	15,900		15,900			6,600	1	BQLDA
4	Xây dựng trường mầm non Dương Quang	1	Xã Dương Quang	10 nhóm lớp học	9347 31/10/2016	34,928			30,527		200	200	15,800		15,800			12,900	1	BQLDA
5	Xây dựng trường tiểu học Lê Chí, huyện Gia Lâm - Hạng mục: Xây dựng bổ sung khu hiệu bộ, phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	1	Xã Lê Chí	Xây mới khối nhà 03 tầng	9051 28/10/2016	36,422			29,154		350	350	19,920		19,920			8,800	1	BQLDA
6	Xây dựng trường tiểu học Trung Mầu	1	Xã Trung Mầu	Xây dựng khối nhà 12 phòng học	9300 31/10/2016	14,802			11,998		500	500	10,000		10,000			1,400	1	BQLDA
8	Xây dựng trường THCS Dương Hà, huyện Gia Lâm	1	Xã Dương Hà	Xây mới 11 nhóm lớp, khu hiệu bộ, Phòng chức năng	9027 27/10/2016	46,434			37,147				21,565		21,565			15,500	1	BQLDA
9	Xây dựng trường mầm non Dương Hà, huyện Gia Lâm	1	Xã Dương Hà	Xây mới 10 nhóm lớp, khu hiệu bộ, Phòng chức năng	9026 27/10/2016	42,106			33,685				16,125		16,125			17,500	1	BQLDA
12	Xây dựng trường tiểu học Phù Đồng, huyện Gia Lâm - Hạng mục: Xây dựng bổ sung 15 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	1	Xã Phù Đồng	Xây mới khối nhà 03 tầng	9286 28/10/2016	22,033			17,626	100	250	150	10,000		10,000			7,300	1	BQLDA
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	86				2,257,003		24,802	1,908,031	10,381	42,461	32,080	390,727	9,774	341,653	32,500	6,800	960,000	44	
I	Lĩnh vực giáo dục	8				172,037			156,088				7,000		7,000			86,200	1	
-	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	2				1,256			1,256									600		
1	Xây dựng trường THCS chất lượng cao TT Trâu Quỳ	1	TT Trâu Quỳ	36 phòng học	65 13/10/2017	856			856									400		BQLDA
2	Xây dựng trường mầm non trong khu đô thị Đặng Xá	1	Xã Đặng Xá	Xây dựng mới	74 13/11/2017	400			400									200		BQLDA
-	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1				14,751			11,801				5,500		5,500			6,300	1	
1	Xây dựng trường tiểu học Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Viên	12 phòng học	3204 30/3/2017	14,751			11,801				5,500		5,500			6,300	1	BQLDA
-	<i>Dự án mới</i>	5				156,030			143,031				1,500		1,500			79,300		
1	Xây dựng trường tiểu học Cổ Bi, huyện Gia Lâm	1	xã Cổ Bi	20 phòng học, khu hiệu bộ, phòng chức năng, nhà thể chất và các HM phụ trợ	11457 28/8/17	70,680			78,688				400		400			24,800		BQLDA

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017				Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiến SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT			
2	Xây dựng Trường mầm non Bát Trảng	1	Xã Bát Trảng	Xây dựng 06 nhóm lớp học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	13809 28/9/17	31,815			27,071			600		600			18,400		BQLDA
3	Cải tạo trường THCS Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Thường	Xây dựng bổ sung 15 phòng học và cải tạo các khối nhà học cũ, nhà thể chất và các hạng mục phụ trợ	14723 26/10/17	29,299			17,394			150		150			17,000		BQLDA
4	Cải tạo, nâng cấp 3 điểm trường mầm non: Đề Trụ, Bình Trù, Yên Mỹ, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	1	Xã Dương Quang	Xây dựng 6 nhóm lớp học và phòng chức năng	14781 30/10	14,068			11,744			150		150			11,200		BQLDA
5	Xây dựng trường mầm non Lê Chi, huyện Gia Lâm - Hạng mục: Xây dựng điểm trường mầm non thôn Sen Hồ.	1	Xã Lê Chi	Trường Lê Chi: xây mới 4 nhóm lớp và các hạng mục phụ trợ.	14779 30/10	10,168			8,134			200		200			7,900		BQLDA
II	Lĩnh vực giao thông	17				1,573,289			1,240,424	9,739	32,669	22,930	218,034	9,774	185,760	22,500	349,460	6	
-	Chuẩn bị đầu tư	1				4,296			4,296			500		500			2,500		
1	Khảo sát, lập chi giới đường đỏ và số liệu hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông trục chính trên địa bàn huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Lập chi giới, xin số liệu HTKT	14562 13/10/2017	4,296			4,296			500		500			2,500		BQLDA
-	Dự án chuyển tiếp	8				1,430,074			1,130,938	9,739	32,669	22,930	217,214	9,774	184,940	22,500	281,460	6	
1	Cải tạo, nâng cấp đường hành lang chân đê đoạn từ xã Đa Tốn đi xã Đông Dư đến cầu Thanh Trì	1	Xã Đa Tốn, Xã Đông Dư	L=3800m. Bmđ=5m,7m. Cải tạo 04 dốc lên đê	7521 29/10/15	31,359			25,087		11,000	11,000	9,774	9,774			4,300	1	BQLDA
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn, tuyến đê bồi Chi Đông - Chi Nam và tuyến đường liên thôn Chi Đông - Gia Lâm, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	1	Xã Lê Chi	Chiều dài 3,5km; Bmặt = 4-5m	2229 10/8/12	32,648			26,118	150	11,650	11,500	2,220		2,220		12,200	1	BQLDA
3	Hoàn chỉnh mặt cắt đê đoạn từ K14+500 đến K15+900 thuộc tuyến đê tả Đường, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đổng	Cải tạo, nâng cấp	5991 31/10/2016	68,417			41,050	9,589	9,589		20,500		20,500		20,500	1	BQLDA
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 1 thị trấn Yên Viên - Đình Xuyên đến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Viên - Xã Đình Xuyên - Ninh Hiệp	L=1,400m, B=7,5m, Mặt đường BTN	9295 31/10/16	13,222			10,578		200	200	10,020		10,020		350	1	BQLDA
5	Chỉnh trang vỉa hè đường Nguyễn Đức Thuận và đường Nguyễn Bình, huyện Gia Lâm	1	Xã Cổ Bi, Xã Đặng Xá, Xã Phú Thị, Xã Dương Xá, TT Trâu Quỳ	5514m	9048 28/10/16	25,431			20,345		230	230	12,900		12,900		7,200	1	BQLDA
6	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Đào Xuyên, Thuận Tốn; xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	Xã Đa Tốn	1897m	8096 19/6/2017	14,297			12,000				5,000		3,000	2,000	2,800	1	BQLDA
7	Xây dựng tuyến đường Đông Dư - Dương Xá	1	Xã, TT	4351m	7114 26/12/2016	884,383			707,506				154,500		154,500		150,000		BQLDA
8	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng	1	Xã, TT	1951m	2271 11/5/2016	360,317			288,254				2,300		2,300		84,110		BQLDA

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017					Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT	Nguồn vốn khác			
-	Dự án mới	8				138,919			105,190				320		320			65,500		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm.	1	xã Yên Thường	L=3.207m, Bmđ=7m	11465 28/8/17	37,922			22,400				100		100			9,900		BQLDA
2	Xây dựng đường vào trường tiểu học Cổ Bi tại khu Hồ Voi, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	1	xã Cổ Bi	Tuyến đường B=13,5m, L=450m	15416 31/10/2017	25,233			19,432				70		70			8,600		BQLDA
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn trực chính thôn Yên Khê, Lại Hoàng, Yên Thường, Đỗ Xá, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	xã Yên Thường	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường giao thông chiều dài khoảng 3.200m, bề rộng mặt đường Bmđ=3-5,5m	14782 30/10	14,569			12,000				50		50			5,800		BQLDA
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trực chính các thôn Xuân Dục, Trùng Quán, Quy Mông, Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	xã Yên Thường	Cải tạo, nâng cấp 07 tuyến đường giao thông bao gồm: chiều dài khoảng 3.260m, bề rộng mặt đường Bmđ=3-5,5m	14783 30/10	14,997			12,000				50		50			6,100		BQLDA
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Phù Đổng - Trung Mầu	1	Xã Phù Đổng, Trung Mầu	L=905m, BTN, B=5,5, TN đồng bộ	14784 30/10	14,974			14,379									11,900		BQLDA
6	Xây dựng tuyến đường dọc nương cấp 1 từ đường Ý Lan đến đường vào thôn Tô Khê, huyện Gia Lâm	1	xã Đặng Xá	L=750m, B=3,5m, B=7,5m	14786 31/10	4,362			3,490				50		50			1,800		BQLDA
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thuộc TDP Bình Minh, TT Trâu Quỳ	1	TT Trâu Quỳ	Tổng chiều dài 06 tuyến, L=2896m	14787 31/10	14,607			11,686									11,600		BQLDA
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thuộc TDP Nông Lâm, An Đào, Thành Trung, TT Trâu Quỳ	1	TT Trâu Quỳ	Tổng chiều dài 1,808km, TDP Nông Lâm 06 tuyến, TDP Vườn Dầu 09 tuyến	14788 31/10	12,255			9,803									9,800		BQLDA
III	Lĩnh vực văn hóa	19				174,102			164,172				53,732		43,732	10,000		80,400	9	
-	Chuẩn bị đầu tư	2				772			772									300		
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Yên Thường	1	Xã Yên Thường	300 chỗ ngồi	16758 21/11/2017	526			526									200		BQLDA
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lại Hoàng, xã Yên Thường	1	Xã Yên Thường	100 chỗ ngồi	6261 10/5/2017	246			246									100		BQLDA
-	Dự án chuyển tiếp	10				133,461			116,784				53,582		43,582	10,000		50,900	9	
1	Tu bổ tôn tạo Đình Chử xá xã Văn Đức	1	Xã Văn Đức	Tu bổ, tôn tạo	9345 31/10/16	26,555			21,243				8,872		8,872			12,300	1	BQLDA
2	Tu bổ tôn tạo Đình Thuận Tồn xã Đa Tồn	1	Xã Đa Tồn	Tu bổ, tôn tạo	9346 31/10/16	16,693			13,354				5,900		5,900			7,400	1	BQLDA
3	Cải tạo khu trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	1	Xã Ninh Hiệp	CT, SC	9303 31/10/2016	20,997			17,166				10,410		5,410	5,000		6,300	1	BQLDA
4	Xây dựng NVH thôn Linh Quy Đông, NVH TDP đường 181, xã Kim Sơn; NVH thôn Chi Nam, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	1	Xã Kim Sơn	100 chỗ ngồi	9363 31/10/16	9,443			10,000				5,000		5,000			2,500	1	BQLDA
5	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cam, Vàng xã Cổ Bi	1	Xã Cổ Bi	100 chỗ ngồi	8213 23/6/2017	12,448			8,000				3,500		3,500			4,500		BQLDA

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017					Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư	
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT	Nguồn vốn khác				
6	Xây dựng nhà văn hóa các thôn: Quy Mông, Yên Thường, Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Thường	100 chỗ ngồi	8216 23/6/2017	7,690			8,239				2,700		2,700			3,500	1	BQLDA	
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 8 và cải tạo nvh thôn 2, 5, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	1	Xã Kim Lan	100 chỗ ngồi	8215 23/6/2017	4,105			4,670				2,500		2,500			800	1	BQLDA	
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Yên Viên, tổ dân phố khu tập thể Địa chất, tổ dân phố khu tập thể Cơ khí Yên Viên, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Viên	100 chỗ ngồi	8216 23/6/2017	7,409			9,192				4,100		4,100			1,800	1	BQLDA	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Trần Tảo, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Thị	Tu bổ, tôn tạo	1203 8/2/17	22,150			17,720				7,800		7,800			9,900	1	BQLDA	
10	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Cơ khí, xã Cổ Bi; thôn 4, xã Đông Dư, tổ dân phố Z176, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm.	1	Xã Cổ Bi, Dương Xá	100 chỗ ngồi	8217 23/6/2017	5,971			7,200				2,800		2,800			1,900	1	BQLDA	
-	Dự án mới	7				39,869			46,616				150		150			29,200			
1	Xây dựng nhà thờ tổ nghề dát vàng bạc quý, Kiều Ky, huyện Gia Lâm (1)	1	Xã Kiều Ky	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tổ, nhà trưng bày sản phẩm, nhà thực hành và các hạng mục phụ trợ	8160 21/6/17	8,654			5,410				100		100			4,500		BQLDA	
2	Tu bổ tôn tạo đình Đỗ Xá, xã Yên Thường, huyện gia lâm	1	Xã Yên Thường	Quy hoạch lại tổng thể khuôn viên di tích. Tu bổ, tôn tạo: đình chính, khu phụ trợ	14743 27/10	3,197			3,059									2,500		BQLDA	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trung Quan 2 Xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	Xã Văn Đức	Xây dựng NVH 1 tầng, 100 chỗ, diện tích xây dựng 200m2/650m2, trang thiết bị đồng bộ	14744 27/10	3,148			8,000				50		50			2,500		BQLDA	
4	Nhà văn hóa thôn Trung Dương	1	Xã Kiều Ky Các	Xây dựng NVH hội trường 120 chỗ, sân, hệ thống thoát nước	14789 31/10	5,772			4,646									4,600		BQLDA	
5	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố đường 5, xã Dương Xá, TDP Bình Minh, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	1	Xã Dương Xá, TT Trâu Quỳ	NVH đường 5: 1 tầng, 100 chỗ, diện tích 200/1400m2. NVH Bình Minh: 2 tầng, 100 chỗ, diện tích 260/725m2.	14746 27/10	10,126			8,101									8,000		BQLDA	
6	Xây dựng nhà văn hóa các thôn 1+2, tổ dân phố Hòa Bình + Yên Bắc; xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	1	Xã Đình Xuyên	Thôn 1: 01 tầng, S= 200/560m2 (hội trường 100 chỗ); Tổ dân phố Hòa Bình+Yên Bắc: 03 tầng, S= 110/135m2 (hội trường 80 chỗ)	14747 27/10	5,677			14,400									4,500		BQLDA	
7	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Toàn Thắng	1	Xã Lệ Chi	Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	14745 27/10	3,295			3,000									2,600		BQLDA	
IV	Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT	3				35,163			28,195				10,800		4,000			8,300	1		
-	Dự án chuyển tiếp	1				14,910			11,994				10,800		4,000			6,800	1,100	1	
1	Xây dựng hệ thống kênh tưới, đường giao thông, đường điện phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Lệ Chi	1	Xã Lệ Chi	5749m đường nội đồng, 1845m kênh tưới, 3844m đường điện	8095 19/6/2017	14,910			11,994				10,800		4,000			6,800	1,100	1	BQLDA
-	Dự án mới	2				20,253			16,201									7,200			
1	Đầu tư xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Thường	- GD 1:17 héc-ta đường nội đồng, L= 2485m, B=1-2m, điện, nhà lưới, thùng chứa và bao bì thuốc BVTV;	14736 27/10/2017	12,864			10,291									4,600		BQLDA	

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017					Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền SDB	Nguồn vốn HTMT + CTMT	Nguồn vốn khác			
2	Đầu tư xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tại xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Viên	- GD I:27 tuyến đường nội đồng, L= 2.295m, B=1,5m, điện, nhà lưới, thùng chứa vỏ bao bì thuốc BVTV; - GD II: Nhà sơ chế	14737 27/10/2017	7,389			5,910								2,600		BQLDA	
V	Lĩnh vực xây dựng trụ sở - CCHC	7				59,060			61,322				12,250	12,250			22,900	4		
-	Chuẩn bị đầu tư	1				448			448								200			
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Dương Hà	1	Xã Dương Hà	Cải tạo, nâng cấp	11467 28/8/2017	448			448								200		BQLDA	
-	Dự án chuyển tiếp	4				31,850			35,289				12,100	12,100			13,300	4		
1	Cải tạo trụ sở UBND các xã Trung Mầu, Yên Viên và Thị trấn Yên Viên	1	Xã, TT	Cải tạo, nâng cấp	8157 21/6/2017	11,767			11,993				3,300	3,300			6,100	1	BQLDA	
2	Cải tạo trụ sở UBND các xã Dương Quang, Đa Tốn	1	Xã, TT	Cải tạo, nâng cấp	8158 21/6/2017	5,463			8,754				2,000	2,000			2,400	1	BQLDA	
3	CT, NC trang thiết bị, nội thất bộ phận một cửa huyện và 6 xã TT: Kim Lan, Văn Đức, Bát Trảng, Đa Tốn, Yên Viên, TT Yên Viên	1	Xã, TT	Cải tạo, nâng cấp	8074 15/6/2017	5,653			4,588				3,800	3,800			700	1	VP	
4	Cải tạo trụ sở UBND các xã Bát Trảng, Kim Lan, Đông Dư	1	Xã, TT	Cải tạo, nâng cấp	8159 21/6/2017	8,967			9,954				3,000	3,000			4,100	1	BQLDA	
-	Dự án mới	2				26,762			25,585				150	150			9,400			
1	Xây dựng Trụ sở UBND xã Dương Xá	1	Xã Dương Xá	Xây mới khối nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	14778 30/10	13,109			9,585				150	150			4,600		BQLDA	
2	Xây dựng trụ sở UBND xã Lệ Chi	1	Xã Lệ Chi	Xây dựng 01 khối nhà 2 tầng	14727 27/10/2017	13,653			16,000								4,800		BQLDA	
VI	Lĩnh vực y tế	5				15,608			16,181				6,336	6,336			5,800	3		
-	Chuẩn bị đầu tư	2				843			843								400			
1	Xây dựng trạm y tế xã Đình Xuyên	1	Xã Đình Xuyên	Xây dựng mới khối nhà 2 tầng có quy mô 12 phòng chức năng	14764 30/10/2017	413			413								200		BQLDA	
2	Xây dựng trạm y tế xã Kim Lan	1	Xã Kim Lan	Xây dựng mới khối nhà 2 tầng có quy mô 12 phòng chức năng	14560 13/10/2017	430			430								200		BQLDA	
-	Dự án chuyển tiếp	3				14,765			15,338				6,336	6,336			3,400	3		
1	Cải tạo, nâng cấp các trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực Nam Đường, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Cải tạo, nâng cấp	8221 23/6/2017	6,092			6,266				3,200	3,200			1,600	1	BQLDA	
2	Cải tạo, nâng cấp các trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực Bắc Đường, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Cải tạo, nâng cấp	8222 23-6-17	4,806			5,040				1,800	1,800			2,000	1	BQLDA	
3	Cải tạo, nâng cấp các trạm y tế Trung Mầu, huyện Gia Lâm	1	Xã Trung Mầu	Cải tạo, nâng cấp	8223 23-6-17	3,867			4,032				1,336	1,336			1,800	1	BQLDA	
VII	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	27				227,744			241,649	642	9,792	9,150	82,575	82,575			86,940	20		
-	Chuẩn bị đầu tư	5				2,409			2,409								1,050			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Dương Quang	1	Xã Dương Quang	1,78ha	14406 6/10/2017	327			327								150		BQLDA	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Phú Thị	1	Xã Phú Thị	1,05ha	14404 6/10/2017	371			371								150		BQLDA	

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017					Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiến SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT	Nguồn vốn khác			
3	Di chuyển hệ thống cột điện mất an toàn trên địa bàn 11 xã, thị trấn khu vực Nam Đuống và sông Hồng	1	Xã, TT	Di chuyển hệ thống cột điện mất an toàn	10367 25/7/2017	522			522								250		BQLDA	
4	Di chuyển hệ thống cột điện mất an toàn trên địa bàn 8 xã, thị trấn khu vực Bắc Đuống và 3 xã khu vực Nam Đuống	1	Xã, TT	Di chuyển hệ thống cột điện mất an toàn	10368 25/7/2017	549			549								250		BQLDA	
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết xã Đặng Xá	1	Xã Đặng Xá	2,1ha	14405 6/10/2017	640			640								250		BQLDA	
-	Dự án chuyển tiếp	20				207,320		24,802	222,332	642	9,792	9,150	82,575		82,575		71,490	20		
1	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết xã Đông Dư (03 khu đất thôn 2, 3 và thôn 6)	1	Xã Đông Dư	3265m2	6960 25/8/2016	3,486			8,156		2,000	2,000	500		500		300	1	BQLDA	
2	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá đất nhỏ, kết xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm kế hoạch năm 2014	1	Phù Đồng	San nền toàn bộ khu đất 8.553m2; XD Đường GT, Rãnh thoát nước	2548 12/11/13	11,928	229 12/5/2016	11,928	9,542	267	3,767	3,500	100		100		5,600	1	BQLDA	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết xã Lê Chi, huyện Gia Lâm kế hoạch 2014	1	Xã Lê Chi	San nền, XD HT đường giao thông, rãnh 5 lô đất diện tích 10.505m2	2403 25/10/13	12,874		12,874	10,299	375	3,175	2,800	900		900		6,200	1	BQLDA	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ kết xã Kim Lan	1	xã Kim Lan	13040m2	9299 31/10/16	12,742			31,396		300	300	5,000		5,000		4,800	1	BQLDA	
5	Cải tạo hệ thống thoát nước khu vực Bắc Đuống - Giai đoạn 1 (Cống mương T9, hệ thống mương đường Phan Đăng Lưu, hệ thống mương dẫn khu vực các hồ: Cống Thôn, Hòa Bình, Trung Quốc; khu vực các TDP: Thái Bình, Yên Hà)	1	xã Yên Viên	Cải tạo hệ thống thoát nước Cống mương T9, hệ thống mương đường Phan Đăng Lưu, hệ thống mương dẫn khu vực hồ Cống Thôn, hồ Hòa Bình, tổ dân phố Yên Hà	9082 28/10/16	12,297			11,986		300	300	5,300		5,300		4,290	1	BQLDA	
6	XD HTKT đấu giá QSD đất nhỏ, lẻ, kết khu đất giãn dân thôn Vàng, khu Hồ Voi xã Cổ Bi	1	Xã Cổ Bi	3216m2	4861 14/4/2017	1,015			4,000				75		75		750	1	BQLDA	
7	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ, kết xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Thường	11287m2	8219 5/8/2016	5,826			19,934				2,500		2,500		2,250	1	BQLDA	
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu Đông Trước, thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Yên Thường	4020m2	8220 23/6/2017	2,939			9,440				1,300		1,300		1,000	1	BQLDA	
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực Cống Máy xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	Cải tạo, nâng cấp	8147 20/6/2017	14,877			11,946				5,300		5,300		6,600	1	BQLDA	
10	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết thôn Đông Viên, xã Phù Đồng	1	Xã Phù Đồng	2826m2	7883 12/6/2017	2,370			1,998				1,100		1,100		700	1	TIPTQB	
11	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Kiều Ky, Văn Đức, Đa Tốn, Dương Quang - Giai đoạn 2	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8102 19/6/2017	14,931			11,967				7,000		7,000		4,900	1	BQLDA	
12	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Yên Viên, Yên Thường - Giai đoạn 2, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8138 20/6/2017	11,863			10,063				5,500		5,500		3,900	1	BQLDA	

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017					Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT	Nguồn vốn khác			
13	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Lệ Chi, thị trấn Yên Viên và các tuyến chính xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8139 20/6/2017	14,999			11,997				7,000		7,000			4,900	1	BQLDA
14	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Dương Xá và các tuyến chính xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8140 20/6/2017	14,806			11,602				7,000		7,000			4,600	1	BQLDA
15	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Yên Thường (tuyến chính), Kim Sơn (tuyến nhánh), huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8141 20/6/2017	12,489			10,754				6,500		6,500			3,400	1	BQLDA
16	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Bát Tràng, Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8142 20/6/2017	12,662			9,170				6,000		6,000			3,100	1	BQLDA
17	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Ninh Hiệp, Cổ Bi, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8143 20/6/2017	14,333			11,982				7,000		7,000			4,400	1	BQLDA
18	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Đa Tốn, Dương Quang (giai đoạn 3) và xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8144 20/6/2017	14,265			11,342				7,000		7,000			4,300	1	BQLDA
19	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Trung Mậu, Phù Đổng, huyện Gia Lâm	1	Xã, TT	Xây dựng mới	8145 20/6/2017	14,159			11,656				7,000		7,000			4,300	1	BQLDA
20	Xây dựng HIKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kẹt xã Đông Dư (11 vị trí)	1	xã Đông Dư	3620m2	9081 28/10/2016	2,459			3,102		250	250	500		500			1,200	1	BQLDA
-	Dự án mới	2				18,015			16,908									14,400		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kẹt thôn 4, xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	1	xã Đông Dư	S=4.900m2	14790 31/10	7,015			5,612									5,600		BQLDA
2	Xây dựng HIKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kẹt xã Văn Đức	1	xã Văn Đức	06 khu đất có tổng diện tích khoảng 15.510m2 đấu tư đồng bộ HIKT.	14780 30/10	11,000			11,296									8,800		BQLDA
VII	San nền và GPMB																	300,000		Phân bổ chi tiết trong quý I
VIII	Thanh tất toán công trình hoàn thành																	20,000		Phân bổ thanh tất toán công trình hoàn thành trong năm
C	NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	3				146,364			129,950				41,500		41,500			64,250	2	
I	Lĩnh vực giáo dục	2				101,663			90,000				41,500		41,500			48,500	2	
-	Dự án chuyển tiếp	2				101,663			90,000				41,500		41,500			48,500	2	
1	Xây dựng trường mầm non Phù Đổng, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đổng	18 nhóm lớp, nhà hiệu bộ	7611 06/9/2016 10994 7/8/2017	49,669			44,000				22,000		22,000			22,000	1	BQLDA
2	Xây dựng trường mầm non Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1	Xã Đặng Xá	14 nhóm lớp, phòng chức năng	9302 31/10/2016 10995 07/8/2017	51,994			46,000				19,500		19,500			26,500	1	BQLDA
II	Lĩnh vực giao thông	1				44,701			39,950									15,750		

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lũy kế đến 31/12/15	Lũy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017				Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn vốn HTMT + CTMT			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba chợ Bùn đến dốc đê Bát Trảng, huyện Gia Lâm	1	Xã Đa Tốn	L=1,2km, Bmid=7.5m, lát vỉa hè theo hiện trạng. Hạ ngầm điện, viễn thông.	8330 29/6/2017	44,701			39,950							15,750		BQLDA	
D	HỒ TRỢ DỰ ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 16	10				133,192			56,600	150	6,150	6,000	46,200	27,773	6,900	11,527	56,600	7	
II	Lĩnh vực giao thông	10				133,192				150	6,150	6,000	46,200	27,773	6,900	11,527	56,600	7	
-	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	7				88,458				150	6,150	6,000	46,200	27,773	6,900	11,527	20,400	7	
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính tại các thôn 4, thôn 6, thôn 7, thôn 8 và thôn 9 xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	1	Xã Ninh Hiệp	CT nâng cấp 3 tuyến đường chính dài khoảng 2.122m	7344 26/10/15	12,873				150	6,150	6,000	2,200	2,200		1,900	1	BQLDA	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Đào Xuyên, Thuận Tốn; xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm															3,500		BQLDA	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Phù Dục 1, Phù Dục 2 và Phù Đồng 3, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2116m	8097 19/6/2017	8,465							6,000	4,000	2,000	700	1	BQLDA	
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Đồng Viên, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm.	1	Xã Phù Đồng	2439m	8098 19/6/2017	13,916							7,000	7,000		4,100	1	BQLDA	
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Phù Đồng 1 và Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2147m	8099 19/6/2017	10,825							6,000	3,600	2,400	2,100	1	BQLDA	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Trung Mậu 1, 2, 3, 4, 5; xã Trung Mậu (giai đoạn 2)	1	Xã Trung Mậu	3288m	8100 19/6/2017	14,808							9,000	2,473		6,527	2,900	1	BQLDA
7	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Gia Lâm, Kim Hồ, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	1	Xã Lê Chi	2950m	8146 20/6/17	12,813							9,000	1,500	2,500	5,000	1,250	1	BQLDA
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	Xã Văn Đức	2450m	8101 19/6/2017	14,758							7,000	7,000		3,950	1	BQLDA	
-	<i>Dự án mới</i>	3				44,734										36,200			
1	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm.															4,000		BQLDA	
2	Xây dựng đường vào trường tiểu học Cỏ Bi tại khu Hồ Voi, xã Cỏ Bi, huyện Gia Lâm															3,200		BQLDA	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn trục chính thôn Yên Khê, Lại Hoàng, Yên Thường, Đổ Xá, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm															5,800		BQLDA	
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn Xuân Dục, Trùng Quán, Quy Mông, Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm															5,800		BQLDA	
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Sen Hồ, xã Lê Chi - GĐ 2	1	Xã Lê Chi	2990m	14739 27/10/2017	14,996										5,300		BQLDA	
6	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Cổ Giang, Kim Hồ, TDP Toàn Thắng, xã Lê Chi - GĐ 2	1	Xã Lê Chi	2751m	14740 27/10/2017	14,756										5,200		BQLDA	

TT	Danh mục công trình	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực Thiết kế	Dự án được duyệt		TKKT-TDT được duyệt		Dự kiến KH trung hạn 2016-2020	Lấy kế đến 31/12/15	Lấy kế TT từ KC đến hết 2016		Kế hoạch 2017					Kế hoạch vốn 2018	Dự án hoàn thành năm 2018	Chủ đầu tư
					Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư	Số, ngày QĐ	Tổng dự toán			Tổng số	Riêng 2016	Tổng số	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiến SDB	Nguồn vốn HTMT + CTMT	Nguồn vốn khác			
7	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Chi Đông, Chi Nam, xã Lê Chi - GĐ 2	1	Xã Lê Chi	2670m	14738 27/10/2017	14,982											5,300		BQLDA	
8	Xây dựng tuyến đường dọc nương cấp 1 từ đường Ý Lan đến đường vào thôn Tô Khê, huyện Gia Lâm																1,600		BQLDA	